TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2022/DS-ST
Ngày: 15/8/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 269/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2022/QĐST-DS ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh năm 1960, (có mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1957, (có mặt);
Bà Lê Thị Bé B, sinh năm 1961, (có mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 12/5/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:***

Vào ngày 01/5/2021, vợ chồng ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị Bé B có mượn của bà số tiền là 530.000.000 đồng và 18 lượng vàng 18 Kara; 04 lượng vàng 24 Kara. Khi mượn tiền, vàng ông T1 và bà B có làm biên nhận cho bà và hứa 30 ngày sẽ trả lại tiền, vàng cho bà. Nhưng đến nay ông T1, bà B chưa trả cho bà được số tiền, vàng nào cả. Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu ông T1, bà B trả lại tiền, vàng cho bà nhưng ông T1, bà B cứ hứa hẹn nhiều lần đến nay vẫn không thực hiện.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị Bé B phải trả cho bà số tiền là 530.000.000 đồng và số vàng gồm 18 lượng vàng 18 Kara; 04 lượng vàng 24 Kara, yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo bản tự khai ngày 15/8/2022 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu T1, bà Lê Thị Bé B trình bày:***

Vào ngày 01/5/2021, vợ chồng ông bà có mượn của bà Ngô Thị T số tiền là 530.000.000 đồng và 18 lượng vàng 18 Kara; 04 lượng vàng 24 Kara. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và tình hình dịch bệnh covid 19 nên ông bà làm ăn không được. Nay ông bà đồng ý trả cho bà T số tiền và số vàng trên nhưng xin trả dần như sau: Trong vòng 02 tháng, sau khi bán được nhà với đất thì ông bà sẽ trả cho bà T 200.000.000 đồng, còn số tiền, vàng còn lại xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Ngô Thị T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị Bé B trả số tiền, vàng đã mượn. Ông T1, bà B có địa chỉ tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

2.1. Giao dịch dân sự về việc cho mượn tiền, vàng giữa bà T với ông T1 và bà B có lập T văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi nguyên đơn cung cấp "Biên nhận ngày 01/5/2021" do ông T1 và bà B ký tên người nhận, thỏa thuận thời gian trả tiền, vàng là 30 ngày. Đồng thời, ông T1 và bà B cũng thừa nhận còn nợ lại bà T số tiền là 530.000.000 đồng và 18 lượng vàng 18 Kara; 04 lượng vàng 24 Kara. Như vậy, thực tế giao dịch cho mượn tiền, vàng giữa bà T với ông T1 và bà B đã phát sinh nhưng đến nay ông T1 và bà B vẫn không trả lại tiền, vàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà B trả lại số tiền, vàng trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

2.3. Xét ý kiến của ông T1, bà B xin trả dần số tiền 530.000.000 đồng và số vàng gồm 18 lượng vàng 18 Kara; 04 lượng vàng 24 Kara nhưng không được bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị Bé B là người cao tuổi nên ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị Bé B được miễn án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 2 Luật Người cao tuổi; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

1. Buộc ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị Bé B phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền 530.000.000 đ (Năm trăm ba mươi triệu đồng) và số vàng gồm 18 lượng vàng 18 Kara và 04 lượng vàng 24 Kara, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Ngô Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị Bé B chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 530.000.000 đồng thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T1 và bà Lê Thị Bé B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh